UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 137 /KH-UBND	*Quảng Ninh, ngày 20 tháng 6 năm 2019*

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 1677/QĐ-TTg, ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018 – 2025" trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Thực hiện Quyết định số 1677/QĐ-TTg, ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018 – 2025" (sau đây viết tắt là Đề án). Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án nhằm phát triển toàn diện giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh, góp phần quan trọng trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của tỉnh trong tương lai.

2. Việc thực hiện triển khai Đề án đảm bảo sát thực tiễn, có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo hiệu quả, đồng thời huy động được các nguồn lực cùng tham gia.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Củng cố, phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non phù hợp với điều kiện kinh tế- xã hội của địa phương, đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ em, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế. Đa dạng hóa các phương thức, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo hướng đạt chuẩn chất lượng giáo dục mầm non trong khu vực và quốc tế; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn bị tốt cho trẻ em vào học lớp một; tăng cường phát triển giáo dục mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2019 - 2020

a. Về quy mô, mạng lưới trường, lớp: Mạng lưới trường lớp được củng cố mở rộng, đa dạng về loại hình giáo dục, đủ năng lực huy động trẻ em đến trường. Phấn đấu đến năm 2020, có ít nhất 30% trẻ em độ tuổi nhà trẻ, 92% trẻ em độ tuổi mẫu giáo, trong đó 99,9% trở lên trẻ mẫu giáo 5 tuổi và 65% trẻ khuyết tật ở độ tuổi 3-5 tuổi có khả năng học tập được đến trường, tỷ lệ huy động trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập chiếm từ 26,0% trở lên.

b. Về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ: duy trì vững chắc tỷ lệ 100% nhóm, lớp mầm non được học 2 buổi/ngày và ăn bán trú; Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm trung bình 0,3%/năm, tỷ lệ trẻ em suy dinh

dưỡng thể thấp còi giảm trung bình 0,2%/năm, tỷ lệ trẻ em thừa cân - béo phì được khống chế.

c. Về đội ngũ giáo viên: Phấn đấu đến năm 2020, 70% giáo viên đạt trình độ từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, 85% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá trở lên.

d. Về cơ sở vật chất trường lớp: Đến năm 2020, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 89%; có ít nhất 60% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

e. Về kiểm định chất lượng giáo dục: Đến năm 2020, có 100% trường mầm non hoàn thành tự đánh giá, trong đó có ít nhất 65% số trường mầm non được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

f. Về phổ cập giáo dục mầm non: Duy trì, từng bước nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi.

2.2. Giai đoạn 2021 - 2025

a. Về quy mô, mạng lưới trường lớp: Phát triển mạng lưới trường lớp mầm non, bảo đảm đến năm 2025, huy động được ít nhất là 35% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ, 95% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được đến trường, trong đó trên 99,9% trẻ mẫu giáo 5 tuổi và 70% trẻ khuyết tật ở độ tuổi 3-5 tuổi có khả năng học tập được đến trường, tỷ lệ huy động trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập chiếm từ 32% trở lên.

b. Về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ: duy trì vững chắc các tỷ lệ: 100% nhóm, lớp mầm non được học 2 buổi/ngày và tỷ lệ ăn bán trú; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm trung bình 0,3%/năm, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm trung bình 0,2%/năm, tỷ lệ trẻ em thừa cân - béo phì được khống chế.

c. Về đội ngũ giáo viên: Phấn đấu đến năm 2025, đủ số lượng giáo viên mầm non theo quy định, 92% giáo viên mầm non đạt trình độ đào tạo từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá trở lên.

d. Về cơ sở vật chất, trường lớp: Phấn đấu đến 2025, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 93%, có ít nhất 70% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

e. Về kiểm định chất lượng giáo dục: 100% trường mầm non hoàn thành tự đánh giá, trong đó có ít nhất 75% số trường mầm non được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

f. Về phổ cập giáo dục mầm non: Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện về cơ chế, chính sách phát triển giáo dục mầm non

a. Rà soát, đánh giá việc thực hiện các cơ chế, chính sách trong giáo dục mầm non; kịp thời đề xuất sửa đổi, thay thế chính sách không khả thi, không phù hợp với thực tiễn phát triển giáo dục mầm non.

b. Đề xuất bổ sung những chính sách thiết thực, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, thiết yếu, tạo động lực, nguồn lực hoàn thành các mục tiêu đề ra. Trong đó tập trung một số chính sách hỗ trợ: Phát triển giáo dục mầm non ở khu vực khó khăn, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu tập trung đông dân cư; khuyến khích phát triển đa dạng loại hình trường mầm non; duy trì vững chắc phổ cập trẻ 5 tuổi đồng thời chuẩn bị các điều kiện để tiến hành phổ cập các độ tuổi còn lại cho những năm tiếp theo.

2. Tăng cường nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục mầm non

a. Ưu tiên ngân sách từ tỉnh đến huyện và các nguồn lực hợp pháp khác để tập trung đầu tư, hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non nhằm đạt được các mục tiêu của Kế hoạch.

b. Huy động có hiệu quả các nguồn lực từ chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình xây dựng nông thôn mới; các nguồn huy động xây dựng thiết chế văn hóa tại các khu công nghiệp, khu chế xuất; chương trình giảm nghèo bền vững; các chương trình dự án khác và nguồn lực xã hội hóa để tăng cường đầu tư cho giáo dục mầm non.

c. Khuyến khích đầu tư phát triển giáo dục mầm non tư thục ở những nơi có điều kiện.

3. Đổi mới công tác quản lý giáo dục mầm non

a. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền địa phương trong phát triển giáo dục mầm non, đặc biệt là tăng cường các biện pháp quản lý nghiêm các cơ sở giáo dục mầm non tư thục; đưa mục tiêu, chỉ tiêu phát triển giáo dục mầm non vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của địa phương.

b. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động và quản lý chất lượng giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh.

c. Đổi mới công tác quản lý giáo dục mầm non ở các cấp, trong đó, chú trọng đổi mới công tác quản lý của các cơ sở giáo dục mầm non; tăng quyền, tự chủ, tự chịu trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của người đứng đầu về những vấn đề liên quan đến giáo dục mầm non theo phân cấp.

d. Tăng cường thực hiện và ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý giáo dục mầm non và tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

e. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá của các cấp quản lý giáo dục đảm bảo thực chất, hiệu quả, tránh hình thức.

g. Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, cởi mở, tạo điều kiện để giáo viên phát huy tối đa năng lực của bản thân, đồng thời tạo động lực phấn đấu cho đội ngũ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.

4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về giáo dục mầm non

a. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, thông tin và truyền thông về giáo dục mầm non ở các cấp; Khuyến khích, tạo điều kiện cho các bậc cha mẹ và toàn xã hội tham gia hoạt động tuyên truyền về giáo dục mầm non.

b. Tổ chức đa dạng về nội dung và hình thức tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cộng đồng, gia đình về vai trò, vị trí của giáo dục mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân và trong phát triển nguồn nhân lực; tăng cường công tác phát hiện, xây dựng và nêu gương điển hình trong triển khai, thực hiện.

5. Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non

a. Rà soát việc thực hiện Quy hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 ở cấp tỉnh và cấp huyện; kịp thời điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện mạng lưới; xem xét, bố trí dành quỹ đất để phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non, đặc biệt tại các địa bàn có điều kiện kinh tế- xã hội phát triển, nơi tập trung đông dân cư, khu công nghiệp và cụm công nghiệp trên phạm vi toàn tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn về phát triển giáo dục mầm non.

b. Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 20/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tư thục ở khu vực khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020, Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 22/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp giải quyết vấn đề trường, lớp mầm non ở các khu công nghiệp, khu chế xuất.

c. Triển khai hiệu quả Quyết định 1463/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình Giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017- 2025.

d. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi trong các cơ sở giáo dục mầm non đảm bảo đủ số lượng, đạt chuẩn chất lượng theo quy định; bảo đảm yêu cầu kiên cố hóa trường lớp và đủ 1 phòng/lớp, tiếp tục xóa phòng học bán kiên cố xuống cấp, phòng học tạm, nhờ, mượn; từng bước đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi theo hướng tiên tiến hiện đại cho các cơ sở giáo dục mầm non nhằm tiếp cận với các yêu cầu chuẩn của các nước trong khu vực. Bên cạnh đó, tổ chức tổng kết, đánh giá phong trào làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo nhằm tăng cường thiết bị, đồ chơi hỗ trợ hoạt động giáo dục trẻ để có những giải phát nhằm xây dựng phong trào một cách thiết thực, hiệu quả.

e. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi được đầu tư trang bị của các cơ sở và giáo viên trong các cơ sở giáo dục mầm non.

6. Xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a. Trên cơ sở phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh và các địa phương trong tỉnh, xây dựng dự báo nhu cầu nhân lực phục vụ phát triển giáo dục mầm non. Có các

giải pháp cụ thể để đảm bảo cho công tác đào tạo, dự nguồn và bố trí đủ giáo viên có trình độ đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục mầm non.

b. Đổi mới công tác giáo dục, kiểm tra, đánh giá về tư tưởng, đạo đức, nhà giáo, trình độ chuyên môn, thái độ ứng xử đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non. Chú trọng xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến đối với cá nhân, tập thể nhà giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non.

c. Tăng cường công tác bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp và bồi dưỡng các kỹ năng công tác theo từng đối tượng, lĩnh vực công tác cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non cốt cán ở các cấp, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hội nhập khu vực và quốc tế. Quan tâm công tác tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên mầm non ở các cơ sở giáo dục tư thục.

d. Thực hiện quản lý, đánh giá, xếp loại và đảm bảo chế độ, chính sách cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non theo quy định hiện hành.

e. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định 33/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đào tạo bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018 – 2025.

7. Đổi mới nội dung, chương trình giáo dục mầm non

a. Xây dựng và triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm đảm bảo điều kiện để thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và chuẩn bị điều kiện cần thiết tối thiểu để đáp ứng yêu cầu triển khai đổi mới chương trình giáo dục mầm non sau năm 2020 theo các tiêu chí trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm; đặc biệt quan tâm xây dựng môi trường giáo dục, an toàn, lành mạnh, thân thiện trong các cơ sở giáo dục mầm non.

b. Bám sát định hướng Chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tích cực phát triển, vận dụng hợp lí chương trình giáo dục mầm non hiện đại và các phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực, quốc tế.

c. Tập trung hỗ trợ thực hiện chương trình giáo dục mầm non ở vùng đặc biệt khó khăn và hỗ trợ chuyên môn cho các nhóm, lớp mầm non độc lập tư thục.

d. Tiếp tục triển khai có hiệu quả hoạt động tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số; tổ chức cho trẻ em làm quen với ngoại ngữ và tin học ở những nơi có điều kiện.

e. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập đối với trẻ em khuyết tật và đổi mới hoạt động chuyên môn trong nhà trường.

f. Triển khai thực hiện tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện thực tế vùng miền; bộ công cụ và tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên, cha mẹ trẻ về phát hiện sớm, can thiệp sớm đối với trẻ em có nguy cơ chậm phát triển và trẻ em khuyết tật.

8. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non

a. Tổ chức triển khai hiệu quả Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác y tế trường học và quy định của Tỉnh tại Đề án "Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế"; Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 05/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh "Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018, Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ và Chương trình hành động số 21-CT/TU ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW". Tăng cường các các giải pháp hỗ trợ theo dõi, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, khống chế tỷ lệ trẻ em thừa cân, béo phì và đẩy mạnh hoạt động giáo dục phát triển vận động cho trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non.

b. Huy động sự đóng góp của nhân dân, kết hợp với chính sách hỗ trợ của nhà nước để tăng cường các điều kiện tổ chức hoạt động bán trú và nâng cao chất lượng bữa ăn bán trú cho trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non; triển khai thực hiện chương trình sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo.

c. Triển khai thực hiện tài liệu phổ biến kiến thức và kỹ năng cơ bản về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ cho cha mẹ và cộng đồng.

d. Triển khai có hiệu quả Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; chỉ thị số 505/CT-BGDĐT ngày 20/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn trong các cơ sở giáo dục; Thông tư số 13/2010/TT-BGDĐT quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non.

9. Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục mầm non

a. Huy động các tổ chức chính trị- xã hội, đoàn thể, các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước tham gia phát triển giáo dục mầm non.

b. Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các cơ chế, chính sách về xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục mầm non nhằm tạo hành lang pháp lý, môi trường và điều kiện đầu tư thuận lợi về đất đai, tín dụng, thuế, thủ tục hành chính…để thu hút các nguồn lực xã hội phát triển giáo dục mầm non.

c. Khuyến khích thực hiện cơ chế đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) để phát triển cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu vực dân cư.

d. Thực hiện chuyển một số cơ sở giáo dục mầm non công lập sang ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hóa; khuyến khích tổ chức, cá nhân xây dựng và phát triển các trường mầm non tư thục, dân lập chất lượng cao.

10. Tăng cường hợp tác quốc tế và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong giáo dục mầm non

a. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn đầu tư, tài trợ từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước để phát triển giáo dục mầm non.

b. Xây dựng và thực hiện kế hoạch hợp tác, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, các chuyên gia về giáo dục mầm non và giảng viên với các nước trong khu vực và quốc tế.

c. Phát triển đội ngũ chuyên gia về giáo dục mầm non, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học về giáo dục mầm non.

d. Phát huy vai trò đào tạo và nghiên cứu khoa học của Khoa Sư phạm mầm non thuộc Trường Đại học Hạ Long.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch từ các nguồn:

a. Ngân sách nhà nước: Từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo; lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình, dự án (Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các dự án ODA, vốn trái phiếu Chính phủ) được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hàng năm của các sở, ban, ngành, địa phương theo phân cấp quản lý hiện hành.

b. Vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Việc lập và triển khai thực hiện kế hoạch tài chính cho các nhiệm vụ của Kế hoạch thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành về kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tài chính trung hạn của Nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, giao trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị chức năng trực thuộc, trong đó cần xác định rõ mục tiêu, nội dung công việc, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, thời gian và kinh phí thực hiện; tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án, đề án ưu tiên của tỉnh về phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn.

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng chương trình, kế hoạch chi tiết, cụ thể để triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh. Hằng năm, rà soát, bổ sung mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

b. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng chương trình, dự án đầu tư phát triển giáo dục mầm non, cân đối và bố trí ngân sách nhà nước hàng năm cho lĩnh vực giáo dục mầm non để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

c. Phối hợp với Trường Đại học Hạ Long xây dựng Kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao cho đội ngũ cán bộ, giáo viên; xây dựng và triển khai các Đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non.

d. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan rà soát, nghiên cứu xây dựng, tham mưu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành các chính sách đối với giáo dục mầm non phù hợp với Luật Giáo dục sửa đổi.

e. Chủ trì, cung cấp các nội dung về phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2019 - 2025 của tỉnh cho Sở Thông tin và Truyền thông để cung cấp cho các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh và trung ương, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền, lan tỏa thông tin.

f. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch tại các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.

g. Chủ động rà soát, tổng hợp và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch phù hợp với yêu cầu phát triển và điều kiện thực tiễn của tỉnh; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Kế hoạch ở cấp tỉnh theo quy định. Định kỳ 06 tháng, 01 năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo cân đối vốn đầu tư phát triển giáo dục mầm non trong các chương trình dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Bố trí vốn đầu tư công theo quy định để thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

a. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối vốn để thực hiện các dự án đầu tư của Kế hoạch hàng năm thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh.

b. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu cho Tỉnh bố trí kinh phí từ ngân sách Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên hàng năm của Kế hoạch theo tiêu chuẩn định mức hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách tỉnh.

4. Sở Nội vụ

a. Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính tham mưu thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức giáo dục mầm non; thực hiện phân bổ số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục mầm non theo quy định hiện hành.

b. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách đối với giáo viên mầm non trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Y tế

a. Chủ trì xây dựng kế hoạch và thực hiện các chương trình tiêm chủng, phòng bệnh cho trẻ em; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng và hoàn thiện các chương trình dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng lồng ghép trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non.

b. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện Đề án "Sữa học đường"; phổ biến kiến thức, kỹ năng và cung cấp dịch vụ chăm sóc, giáo dục trẻ tại gia đình.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a. Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ban, ngành liên quan giám sát việc thực hiện quyền trẻ em, việc thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chính sách xã hội khác đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên làm việc trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

b. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối và bố trí ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo nội dung Kế hoạch.

7. Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường

a. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới, hệ thống trường mầm non trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên địa điểm, quỹ đất phục vụ xây dựng, mở rộng mạng lưới trường mầm non.

b. Trên cơ sở mạng lưới trường mầm non được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hướng dẫn, cung cấp thông tin quy hoạch, thỏa thuận địa điểm đất phục vụ xây dựng trường mầm non đảm bảo theo quy định hiện hành.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Hướng dẫn, đôn đốc Trung tâm truyền thông tỉnh, phóng viên các cơ quan báo chí hợp tác truyền thông với tỉnh, phóng viên các văn phòng đại diện thường trú, chuyên trách trên địa bàn tỉnh và hệ thống thông tin cơ sở tăng cường tuyên truyền về phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2019 – 2025 tại tỉnh Quảng Ninh nhằm góp phần củng cố, phát triển toàn diện giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh.

9. Ban Dân tộc tỉnh

a. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho đồng bào dân tộc thiểu số về phát triển giáo dục mầm non, sự cần thiết đưa trẻ em người dân tộc thiểu số trong độ tuổi ra trường, lớp mầm non để bảo đảm các mục tiêu của Kế hoạch.

b. Tham mưu thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch này;

c. Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch tại các địa phương trên địa bàn tỉnh.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a. Đưa nhiệm vụ phát triển giáo dục mầm non vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Xây dựng chương trình, kế hoạch và cụ thể hóa các

mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch để chỉ đạo, triển khai thực hiện tại địa phương.

b. Chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch mạng lưới, rà soát, sắp xếp các điểm trường theo hướng thu gọn đầu mối; đảm bảo thuận lợi cho nhân dân đưa trẻ đến trường và phù hợp với điều kiện thực tế của vùng miền, địa phương.

c. Bố trí nguồn vốn và phải xác định quỹ đất trong quy hoạch có diện tích để xây trường hoặc có trường, ưu tiên thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục mầm non được phân cấp theo quy định. Trong đó, tập trung xây dựng cơ sở vật chất, cải tạo, sửa chữa và xây mới các phòng học mầm non thay thế cho các phòng học tạm, học nhờ, xuống cấp; xây mới phòng học để khắc phục tình trạng quá tải; trang bị đủ bộ thiết bị đồ dùng, đồ chơi tối thiểu cho các cơ sở giáo dục mầm non.

d. Triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, nhân viên; huy động trẻ mầm non đến trường cho từng giai đoạn trên địa bàn, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

e. Rà soát và chuẩn bị các điều kiện chuyển đổi một số cơ sở giáo dục mầm non công lập thành ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hóa.

f. Bố trí ngân sách chi cho giáo dục mầm non theo đúng quy định hiện hành. Thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách quy định của Nhà nước đối với giáo dục mầm non. Tiếp tục thực hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục mầm non; tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư tham gia phát triển trường, lớp mầm non trên địa bàn.

g. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các loại hình cơ sở giáo dục mầm non tại địa phương.

11. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

Tiếp tục phát huy vai trò hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ toàn diện, đặc biệt các nhóm trẻ ngoài nhà trường; tiếp tục thực hiện Đề án "Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tư thục ở khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020".

12. Liên Đoàn lao động tỉnh

a. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong quá trình tổ chức thực hiện, đánh giá tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch về những nội dung liên quan đến nhà trẻ, mẫu giáo ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp của tỉnh.

b. Xây dựng mô hình quản lý và cơ chế vận hành cơ sở giáo dục mầm non trong các thiết chế của công đoàn theo Đề án "Đầu tư xây dựng các thiết chế của công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất".

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội khuyến học tỉnh, các đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội

Tham gia tích cực phát triển giáo dục mầm non, vận động trẻ em đến cơ sở giáo dục mầm non; tăng cường phổ biến, cung cấp kiến thức chăm sóc, giáo dục trẻ đến từng gia đình.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương, căn cứ chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước và nhiệm vụ cụ thể được phân công tại Kế hoạch này xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện bảo đảm đạt mục tiêu đã đề ra. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu cần sửa đổi, bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, giao Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của Tỉnh ;
- UBND các huyện, TX,TP;
- V0, V1-4, các CV NCTH;
- Lưu VT, GD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Thị Thu Thủy